

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày 10/12/2019

V/v: “Kiện ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Võ Thị Nhi.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phạm Đình Bông và ông Nguyễn Quang Châu.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, cán bộ TAND huyện Krông Nô.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Thùy Dung, chức vụ: Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 10 tháng 12 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 110/2019/TLST-HNGĐ, ngày 16/8/2019, về việc “Kiện ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-DS, ngày 15/11/2019; Thông báo dời lịch xét xử số 122/TB-TA, ngày 02/12/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Phan Tấn T, sinh năm 1960. Có mặt.

Bị đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1964. Có mặt.

Cùng địa chỉ: thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2019 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 12/8/2019), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Phan Tấn T trình bày:

Ông Phan Tấn T và bà Võ Thị H kết hôn với nhau năm 1983, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng (nay là tỉnh Quảng Nam). Ông bà chung sống hạnh phúc và có 05 con chung, gồm Phan Thị D1 (sinh năm 1983), Phan Thị D2 (sinh năm 1984), Phan Thị D3 (sinh năm 1988), Phan Thị D4 (sinh năm 1991), Phan Thị D5 (sinh năm 1996). Tuy nhiên ông bà chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là bà H đánh đập, chửi bới, mê tín, tự do đi đứng nên vợ chồng ngày càng xa cách. Bà H còn ăn chay trường, lại ít vận động, ông T có khuyên nhủ nhưng bà H không nghe vì vậy mà tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, đến nay không có khả năng hàn gắn hạnh phúc được nữa, vì các con đã trưởng thành nên ông T

không yêu cầu giải quyết mà ông vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà H. Về tài sản chung, nợ chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Võ Thị H trình bày:

Bà H công nhận lời trình bày của ông T về mối quan hệ hôn nhân của ông bà là đúng sự thật. Về nguyên nhân gây mâu thuẫn, bà H nhận thấy ông bà có mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng không thể hàn gắn. Mặt khác, xuất phát từ việc ông T chửi bà H nhiều, bà H không chịu nổi nên bà H đi đến nhà các con ở, bà H tụng kinh niệm phật thì ông T nói là mê tín. Hơn nữa ông T cũng thường xuyên đánh đập bà H, ông T chửi, bà H không chịu nổi, bà H có cầm cây nhưng chưa đánh thì ông T cầm điện thoại lên quay lại vì vậy bà H đập vào cái máy nên đụng vô trúng tay chân ông T. Bà H không đồng ý ly hôn vì bà H đang bệnh tật cần điều trị, cần có người chăm sóc.

Về con chung: Bà H thừa nhận có 05 con chung với ông T gồm: Phan Thị D1 (sinh năm 1983), Phan Thị D2 (sinh năm 1984), Phan Thị D3 (sinh năm 1988), Phan Thị D4 (sinh năm 1991), Phan Thị D5 (sinh năm 1996). Hiện các con chung đã trưởng thành, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử ông Phan Tấn T ly hôn với bà Võ Thị H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc ông Phan Tấn T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phan Tấn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”. Bị đơn là bà Võ Thị H có nơi cư trú tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Phan Tấn T và bà Võ Thị H kết hôn năm 1983, trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại biên bản xác minh ngày 06/11/2019 thể hiện, năm 2017 bà Võ Thị H có hành vi đánh ông Phan Tấn T, Công an xã N đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, bà H bị phạt số tiền 1.750.000 đồng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/11/2019 và tại phiên tòa, bà H xuất trình: phim chụp X quang; Đơn thuốc ngày 28/8/2019; Toa thuốc; phiếu bán thuốc ngày 03/9/2019; Toa thuốc ngày 19/10/2019 (bản gốc) để chứng minh bà đang bị bệnh và cần điều trị.

Theo nội dung biên bản xác minh tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông thì địa phương không nhận được yêu cầu bảo vệ cũng như giải quyết mâu thuẫn nào từ phía ông T, bà H. Theo lời trình bày của các bên và lời khai của chị Phan Thị 5, sinh năm 1996, là con chung của ông T, bà H thể hiện, ông T và bà H không quan tâm, chăm sóc nhau, ông T thường xuyên đánh đập, xúc phạm bà H và gia đình, ngược lại bà H cũng từng đánh ông T và bị xử phạt vi phạm hành chính vào năm 2017. Trong thời gian bà H bị bệnh cần điều trị thì bà H sống cùng con gái. Mặc dù bà H đang bị bệnh cần điều trị nên không muốn ly hôn, tại phiên tòa ông bà cho rằng còn tình cảm yêu thương nhau. Tuy nhiên mâu thuẫn của ông bà trở nên trầm trọng không có khả năng hàn gắn vì bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung thể hiện việc ông bà tiếp tục chung sống thì ông T và bà H vẫn giữ quan điểm sống như hiện tại mà không ai chịu thay đổi, ông T yêu cầu bà H không ăn chay, không tự do đi lại, tụng kinh niệm Phật, bà H thì yêu cầu ông T không được chửi mắng, xúc phạm bà H nhưng cả hai lại khẳng định không thay đổi được quan điểm sống của mình, mặt khác bà H bị bệnh nhưng không phải là bệnh hiểm nghèo, vẫn có thể đi lại, tự chăm sóc bản thân mà không cần người chăm sóc.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chung sống có hạnh phúc phải dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đặc biệt lúc bệnh tật đau ốm, phải có sự hòa hợp, chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống, việc ông T và bà H bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vi phạm sự tự do, tín ngưỡng của nhau khiến cả hai bị tổn thương, tìm đến cách sống riêng của mình mà không có sự thấu hiểu, sẻ chia, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phan Tấn T.

Về con chung: Các con chung của ông T, bà H đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Phan Tấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Tấn T .

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Tấn T được ly hôn với bà Võ Thị H .
- Về con chung: Các con chung của ông Phan Tấn T và bà Võ Thị H đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Ông Phan Tấn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí mà ông Phan Tấn T đã nộp theo biên lai số 0000981 ngày 15/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS H. Krông Nô;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Nhi